

Bản án số: 109/2019/DS-PT.

Ngày: 09/7/2019.

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 93/2019/QĐ-PT ngày 17/6/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm: 1928.

Địa chỉ: Số 32/33, tổ 33, Khu phố A, phường Phú M, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn L1, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Số 19, đường ĐX11, tổ 33, Khu phố A, phường Phú M, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2018 – Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thiêm Diên Th, Luật sư của Văn phòng Luật sư Thiêm Diên Th, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Số 70, Quốc lộ 1A, khu phố B, phường X, thị xã Long Kh (nay là thành phố Long Kh), tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Xuân Th, Luật sư của Công ty Luật Đông B thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Ngh, sinh năm: 1960. (Có mặt)

2. Anh Lê Thành T, sinh năm: 1980. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 70, Quốc lộ 1A, khu phố B, phường X, thị xã Long Kh (nay là thành phố Long Kh), tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Lê Văn L.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Kh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:*

Cha, mẹ Ông Lê Văn L là cụ Lê Văn M và cụ Nguyễn Thị H, cụ M chết năm 1961, cụ H chết năm 1978, hai cụ có 08 người con là bà Lê Thị H1 (Nguyễn Thị H1) chết năm 2006, bà Lê Thị H2 chết năm 2006, ông Lê Văn Th chết năm 2015, ông Lê Văn Th1 chết năm 2004, ông Lê Văn L (Nguyễn Văn T) hy sinh năm 1975 là liệt sĩ, ông Lê Văn D chết năm 2012 và bà Lê Thị L2 chết năm 2015. Sinh thời, bà Lê Thị L2 không có chồng, con. Cha, mẹ, anh, chị, em ruột đã chết, chỉ còn duy nhất Ông Lê Văn L là anh trai còn sống.

Năm 2015, bà L2 chết không để lại di chúc, di sản của bà L2 để lại gồm: quyền sử dụng đất diện tích 5.994m² thửa 563, tờ bản đồ số 6, ấp V, xã V, thị xã Long Kh cùng tài sản là nhà và cây trồng trên đất do Ông Lê Văn Q đang quản lý sử dụng và số tiền 1.034.285.000 đồng bồi thường, hỗ trợ và bồi thường bổ sung về đất, tài sản, vật kiến trúc cho bà Lê Thị L2 tại thửa đất 18, tờ bản đồ số 02, phường X thuộc dự án quy hoạch công viên cây xanh phường X, thị xã Long Kh, tỉnh Đồng Nai. Số tiền này hiện nay vẫn do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Long Kh quản lý.

Do đó, nay Ông Lê Văn L yêu cầu được nhận số tiền bồi thường hỗ trợ đất của bà Lê Thị L2 và yêu cầu Ông Lê Văn Q phải giao trả lại cho ông diện tích 5.994m² thửa 563, tờ bản đồ số 6, ấp V, xã V, thị xã Long Kh cùng tài sản là nhà và cây trồng trên đất. Đối với việc hưởng hoa lợi từ việc sử dụng di sản của ông Ông không yêu cầu gì.

- *Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn ông Q trình bày:*

Về quan hệ nhân thân của cô ông là Lê Thị L2 đúng như ông L1 đã trình bày. Về tài sản của cô ông để lại, ông xin trình bày như sau:

Đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 2 tại khu phố B, phường X, thị xã Long Kh, đất chưa có sổ đỏ là đất do ông khai khẩn năm 1980, với diện tích là 1400m² và ông là người trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1980 đến nay. Khi nhà nước có chủ trương thu hồi đất để làm dự án công viên cây xanh, lúc này cô ông vẫn có hộ khẩu cùng cha ông là Lê Văn Th tại số 5/118, hẻm V, khu Xuân Tr. Ba và cô ông là người có công với cách mạng, do đó ông kê khai cô ông đứng tên giúp để nhà nước đưa cô vào diện hưởng chính sách của nhà nước, còn thực chất đây là đất của vợ chồng ông, vợ chồng ông sử dụng và nộp thuế, được nhà nước xác nhận năm 1991. Do đó, ông L không có quyền được hưởng tiền đền bù, bồi thường đối với thửa đất này.

Đối với diện tích đất 5.994m² thuộc thửa 563, tờ bản đồ số 6, ấp V, xã V, thị xã Long Kh, nguồn gốc đất là do cha ông là Lê Văn Th mua năm 1959, lúc này cô ông là Lê Thị L1 sinh sống tại Bình Dương làm thợ may. Năm 1960, cô ông bị bệnh nên cha ông đón cô về Long Khánh để điều trị bệnh, do cô ông không làm việc được nên sinh sống cùng cha ông tại địa chỉ số 5/118, hẻm V, khu Xuân Tr. Năm 1990, do điều kiện sinh sống chật chội nên cô ông xin cha ông cho cô làm nhà trên thửa đất này để ở và sau đó cha cho cô thửa đất này. Khi cha ông mua đất cho cô ông là đất trống, còn cây trồng trên đất là do cha ông trồng nên cha ông phải được hưởng cây trồng trên đất. Sau khi cô ông mất, ông bỏ công sức ra làm hậu sự, xây mộ cho cô trên số tiền cô ông gửi và theo nguyện vọng của cô trước khi chết, ông đã bỏ tiền ra tu sửa căn nhà cấp 4 để làm nơi thờ phụng ông bà và khi cô chết làm nơi thờ cô, do đó căn nhà cấp 4 trên đất là của ông và cô ông.

Trước khi cô ông mất, chỉ còn hai người anh còn sống là Lê Văn L và Lê Văn Th. Do vậy, ông L và ông Th được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật di sản của cô ông. Nay cha ông là Lê Văn Th mất thì ông là người được hưởng thừa kế thế vị của cha ông. Do đó, ông yêu cầu chia di sản theo pháp luật thì phải chừa lại ngôi nhà trên thửa đất 563, tờ bản đồ số 6, ấp V, xã V, thị xã Long Kh làm nơi thờ cúng ông bà và cô, thanh toán giá trị cây trồng trên đất, công chăm sóc cây trồng, hệ thống tưới tiêu cho ông và ông xin được mua lại phần đất này và thanh toán bằng giá trị cho ông Lý.

Việc sửa chữa lại nhà của bà Lãnh, ông không thông báo cho các anh, em nhưng vì nhà đã hư hỏng phải sửa lại để có chỗ thờ cúng bà L1 và ông bà, nếu các anh em không nhất trí trả tiền thì ông cũng không yêu cầu, hệ thống tưới tiêu thì ông dùng tiền từ hoa lợi của vườn cây để đầu tư và cũng vừa đủ để trang trải và làm đám cho cô và bà nên cũng không yêu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Ngh và Anh Lê Thành T: Thống nhất ý kiến của ông Q.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh đã căn cứ vào các Điều: 26, 39, 104, 147, 264, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều: 649, 650, 651, 658 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC, ngày 28/3/2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn L đối với Ông Lê Văn Q.

- Ông Lê Văn L được nhận số tiền 1.034.285.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng), tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản, vật kiến trúc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 2, tại khu phố B, phường X, thị xã Long Kh thuộc dự án Công viên cây xanh phường X của bà Lê Thị L2.

- Ông Lê Văn Q được quyền sử dụng diện tích đất 5.994m² thuộc thửa 563, tờ bản đồ số 6, ấp V, xã V, thị xã Long Kh, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu công trình xây dựng và cây trồng trên đất.

- Ông Lê Văn Q có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ông Lê Văn L 612.000.000 đồng. (Sáu trăm mười hai triệu).

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nhận tiền và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí :

- Miễn án phí cho Ông Lê Văn L, ông L được hoàn trả 17.680.000 đ, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008294, ngày 22/3/2018 tại Chi cục thi hành dân sự thị xã Long Kh.

- Ông Lê Văn Q phải chịu 28.480.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/5/2019, nguyên đơn Ông Lê Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08/5/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh có Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Di sản thừa kế bà Lê Thị L1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 5.994m² thửa 563 tờ bản đồ số 6 xã V cùng tài sản là nhà, cây trồng trên đất và số tiền 1.034.285.000 đồng bồi thường cho bà Lê Thị L1 đối với thửa đất 18 tờ bản đồ số 02 phường X thuộc dự án quy hoạch công viên cây xanh phường X, thị xã Long Kh, tỉnh Đồng Nai. Người thừa kế duy nhất của bà L1 là Ông Lê Văn L. Từ khi khởi kiện đến phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu đòi lại tài sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ tranh chấp thừa kế là không chính xác và giải quyết yêu cầu chia thừa kế là không đúng. Kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở, việc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Kh kháng nghị hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản thừa kế chứ không phải đòi lại tài sản vì Ông Lê Văn L chưa phải là người sở hữu tài sản tranh chấp, chưa có bất cứ văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền xác định ông L là người sở hữu, quản lý di sản của bà Lãnh. Khi bà L1 mất, còn có 02 người anh là ông Th và ông L còn sống, thời điểm này quyền và nghĩa vụ của hai ông là ngang nhau. Di sản bà L1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 5.994m² thửa 563 tờ bản đồ số 6 xã V, còn thửa đất số 18 tờ bản đồ số 02 phường X được đền bù số tiền 1.034.285.000 đồng là tài sản của Ông Lê Văn Q do ông Q được cấp đất, những người hàng xóm đều xác nhận chỉ có gia đình ông Q sinh sống ổn định trên thửa đất này còn bà L1 hoàn toàn không sinh sống tại đây. Theo quy định của pháp luật thì thửa đất 18 tờ bản đồ số 02 phường X thuộc quyền sử dụng của ông Q, không phải của bà Lãnh, ông Q phải là người được hưởng số tiền đền bù. Tài sản trên diện tích đất 5.994m² thửa 563 tờ bản đồ số 6 xã V có công sức đóng góp của ông Q. Các con, cháu của ông Th là những người được hưởng di sản thừa kế của bà L1 nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng. Ông Q đã có yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế và đề nghị xem xét công sức chăm sóc bảo quản tài sản thừa kế, việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Kh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vượt quá yêu cầu của ông Q là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Bà Lê Thị L1 chết ngày 20/02/2015, di sản bà Lê Thị L1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 5.994m² thửa 563 tờ bản đồ số 6 xã V cùng tài sản là nhà, cây trồng trên đất và số tiền 1.034.285.000

đồng bồi thường cho bà Lê Thị L1 đối với thửa đất 18 tờ bản đồ số 02 phường X, bà L1 không để lại di chúc nên tài sản của bà được thừa kế theo pháp luật. Bà L1 không có chồng con và cũng không có con nuôi, cha mẹ ruột của bà L1 đã chết trước bà L1 nên hàng thừa kế thứ nhất của bà L1 không còn ai nên di sản của bà L1 được chia cho hàng thừa kế thứ hai. Khi bà L1 chết, những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà L1 chỉ còn có các ông Lê Văn Th và Lê Văn L là các anh ruột của bà L1 còn sống nên ông Lê Văn Th và Lê Văn L là những người thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của bà L1 để lại, đồng thời tại thời điểm này cũng phát sinh quyền và nghĩa vụ của những người thừa kế theo quy định tại các Điều 611, 613, 614 và điểm b, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự. Ông Lê Văn Th chết ngày 02/10/2015, ông Th có 03 người con là Ông Lê Văn Q, ông Lê Hoàng M và bà Lê Thị Thủy (bà Th chết năm 2003, bà Th có 02 người con là Phạm Lê Huyền L3 và Phạm Lê Khánh H). Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Th gồm: các con là Ông Lê Văn Q, ông Lê Hoàng M và các cháu là Phạm Lê Huyền L3 và Phạm Lê Khánh H (thừa kế thế vị của bà Th). Ông Lê Văn Th chết nhưng quyền tài sản của ông Th trong di sản của bà L1 để lại chưa được chia nên các con và cháu của ông Th là Ông Lê Văn Q, ông Lê Hoàng M, Phạm Lê Huyền L3, Phạm Lê Khánh H là những người thừa kế đối với di sản của bà L1 để lại cùng với Ông Lê Văn L. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Ông Lê Văn L là người thừa kế duy nhất di sản của bà L1 là không đúng và không đưa ông Lê Hoàng M, chị Phạm Lê Huyền L3, chị Phạm Lê Khánh H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thỏa thuận tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất diện tích 5.994m² thửa 563 tờ bản đồ số 6 xã V cùng tài sản là nhà, cây trồng trên đất có giá trị 1.000.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự mà tự định giá tài sản này theo giá thị trường số tiền 900.000.000 đồng là vi phạm nguyên tắc thỏa thuận giữa các đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q không có yêu cầu trả tiền công lao động chăm sóc vườn cây từ khi bà L1 chết đến khi xảy ra tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông L phải trả tiền công lao động cho ông Q số tiền 288.000.000 đồng là vượt quá yêu cầu của ông Q.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Kh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Do hủy bản sơ thẩm nên đường lối cấp sơ thẩm giải quyết chưa đúng pháp luật sẽ được xem xét khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Lê Văn L và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh trong hạn luật định, ông L đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng.

[3] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[3.1] Bà Lê Thị L1 chết ngày 20/02/2015, không để lại di chúc nên tài sản của bà được thừa kế theo pháp luật theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà L1 không có chồng con và cũng không có con nuôi, cha mẹ ruột của bà L1 đã chết trước bà L1 nên hàng thừa kế thứ nhất của bà L1 theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự không còn ai. Khi bà L1 chết, những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà L1 chỉ còn có các ông Lê Văn Th và Lê Văn L là các anh ruột của bà L1 còn sống. Do đó, ông Lê Văn Th và Lê Văn L là những người thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của bà L1 để lại, đồng thời tại thời điểm này cũng phát sinh quyền và nghĩa vụ của những người thừa kế theo quy định tại các Điều 611, 613, 614 và điểm b, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Ông Lê Văn L là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà L1 và không xác định ông Lê Văn Th là đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của bà L1 là không đúng pháp luật.

Ông Lê Văn Th chết ngày 02/10/2015. Theo Ông Lê Văn L và Ông Lê Văn Q xác nhận cha mẹ và vợ ông Th chết trước ông Th, ông Th có 03 người con là Ông Lê Văn Q, ông Lê Hoàng M và bà Lê Thị Th1 (bà Th chết năm 2003, bà Th có 02 người con là Phạm Lê Huyền L3 và Phạm Lê Khánh H). Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Th gồm: các con là Ông Lê Văn Q, ông Lê Hoàng M và các cháu là Phạm Lê Huyền L3 và Phạm Lê Khánh H (thừa kế thế vị của bà Th).

Ông Lê Văn Th chết nhưng quyền tài sản của ông Th trong di sản của bà L1 để lại chưa được chia nên các con và cháu của ông Th là Ông Lê Văn Q, ông Lê Hoàng M, Phạm Lê Huyền L3, Phạm Lê Khánh H là những người thừa kế đối với di sản của bà L1 để lại cùng với Ông Lê Văn L. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định Ông Lê Văn L là người thừa kế duy nhất di sản của bà L1 là không đúng và không đưa ông Lê Hoàng M, chị Phạm Lê Huyền L3, chị Phạm Lê Khánh H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Lê Văn Q, ông Lê Hoàng M, chị Phạm Lê Huyền L3 và chị Phạm Lê Khánh H.

[3.2] Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, vào ngày 07/5/2018, bị đơn Ông Lê Văn Q có yêu cầu thanh toán tiền đầu tư, chăm sóc vườn cây, thanh toán giá trị vườn cây, thanh toán tiền đầu tư hệ thống tưới tiêu, thanh toán tiền sửa chữa ngôi nhà (BL 83-85). Đây là yêu cầu phản tố của bị đơn trước thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự làm thủ tục phản tố, chưa tiến hành thụ lý yêu cầu này của bị đơn mà đã xem xét giải quyết là trái với quy định tại Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ sót tư cách đương sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh về vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản” giữa nguyên đơn Ông Lê Văn L với bị đơn Ông Lê Văn Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Ngh, Anh Lê Thành T.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí: Ông Lê Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho Ông Lê Văn L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 009630 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đương sự đã nộp sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- TAND TP. Long Khánh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhu